

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/ 2018/DS - ST

Ngày: 12/01/2018

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Thế Nghiệp;

2/Bà Nguyễn Thị Diệu Trang;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu –Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017 và ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2017/TLST – DS, ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/Ông Bùi Văn L, sinh năm 1958, địa chỉ ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2/Bà Trương Thị L, sinh năm 1965. Địa chỉ ấp A, xã T, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Bị đơn:

1/Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2/Anh Bùi Văn Mười B, sinh năm 1975, Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2/Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Địa chỉ ấp 6, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt –Có đơn xin vắng mặt)

3/ Em Bùi Thị Anh T, sinh ngày 16/6/2002, Địa chỉ ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho em Bùi Thị Anh T: Ông Diệp Minh Trường –Trợ giúp viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho em Bùi Thị Anh T:

1/Anh Bùi Văn Mười B, sinh năm 1975. (có mặt)

2/Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Văn L, bà Trương Thị L trình bày: Vào ngày 15/10/2013 al, ông, bà có làm đầu thảo dây hụi tháng 500.000 đồng, gồm 25 phần, trong đó anh Mười B và chị Đ tham gia 04 phần, hụi mỗi tháng khai 01 lần, bằng hình thức bỏ thăm, ai bỏ thăm cao thì được hốt hụi, tiền đầu thảo hưởng huê hồng mỗi lần khai hụi là 150.000 đồng, việc giao dịch hụi do đầu thảo lập danh sách giao cho các hụi viên, danh sách hụi hiện do đầu thảo quản lý. Hụi khai lần thứ nhất vào ngày 15/10/2013 al, anh Mười B, bà Đ kêu 200.000 đồng, được hốt số tiền 7.050.000 đồng. Ông, bà đã giao đủ số tiền này cho anh Mười B, chị Đ. Lần khai này, anh Mười B, chị Đ đã đóng lại 03 phần hụi sống với số tiền 900.000 đồng. Hụi khai lần thứ hai vào ngày 15/11/2013 al, anh Mười B, chị Đ kêu 200.000 đồng và được hốt số tiền 7.400.000 đồng, chúng tôi đã giao đủ số tiền này cho chị Đ. Lần khai này, anh Mười B, chị Đ đóng 01 phần hụi chết đã hốt trước đó là 500.000 đồng và 02 phần hụi còn sống với số tiền là 600.000 đồng, tổng cộng đã đóng là 1.100.000 đồng.

Hụi khai lần thứ ba vào ngày 15/12/2013 al, anh Nguyễn Văn T kêu 200.000 đồng. Lần khai này, anh Mười B, chị Đ đóng 02 phần hụi chết đã hốt trước đó là 1.000.000 đồng và 02 phần hụi sống còn lại với số tiền là 600.000 đồng, tổng cộng anh Mười B, chị Đ đã đóng là 1.600.000 đồng.

Hụi khai lần thứ tư vào ngày 15/01/2014 al, anh Mười B, chị Đ kêu 130.000 đồng và được hốt với số tiền 9.120.000 đồng. ông, bà đã giao đủ số tiền 9.120.000 đồng cho chị Đ. Lần khai này, anh Mười B, chị Đ đóng 02 phần hụi chết đã hốt trước đó là 1.000.000 đồng và 01 phần hụi sống còn lại với số tiền là 370.000 đồng, tổng cộng anh Mười B đã đóng 1.370.000 đồng.

Hụi khai lần thứ năm vào ngày 15/02/2014 al, anh Mười B, chị Đ kêu 135.000 đồng và được hốt với số tiền 9.150.000 đồng. ông, bà đã giao đủ số tiền 9.150.000 đồng cho chị Đ. Lần khai này, anh Mười B, chị Đ đóng 03 phần hụi chết đã hốt trước đó là 1.500.000 đồng.

Như vậy anh Mười B, chị Đ đã hốt hết 04 phần hụi trong dây hụi này. Tổng số tiền anh Mười B, chị Đ đã đóng cả hụi chết và hụi sống tính đến ngày 15/02/2014 al là 6.470.000 đồng. Từ lần khai hụi ngày 15/3/2014 al đến ngày 15/5/2015 al, anh Mười B, chị Đ có tiếp tục đóng hụi chết cho tôi được 16 lần của 04 phần hụi, mỗi lần đóng là 2.000.000 đồng với tổng số tiền 32.000.000 đồng.

Nhưng từ lần khai ngày 15/6/2015 al đến khi mãn hạn là ngày 15/9/2015 al thì anh Mười B, chị Đ không đóng hạn nữa nên ông, bà phải đóng cho anh Mười B, chị Đ tổng cộng 16 lần, mỗi lần đóng là 500.000 đồng (từ ngày 15/6/2015 al đến ngày 15/9/2015 al) của 04 phần hạn với tổng số tiền là 8.000.000 đồng. Nay, ông, bà yêu cầu anh Mười B, chị Đ phải trả số tiền 8.000.000 đồng của 04 lần đã đóng cho ông 04 phần hạn. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn Mười B, chị Nguyễn Thị Đ, trình bày: Anh, chị không có tham gia giao dịch hạn gì với bên chị L và anh L. Danh sách hạn ghi tên Mười B là do bên chị L tự ghi, anh, chị không biết, từ trước đến nay, anh, chị không có thấy danh sách hạn này. Nay, bên bà L, ông L yêu cầu trả lại số tiền 8.000.000 đồng, anh chị không đồng ý.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H: Chị không có tham gia dây hạn này mà do chị Đào tham gia, chị thừa nhận là tại hòa giải ấp A, xã T chị có thừa nhận có tham gia hạn và còn thiếu tiền hạn của chị L là do chị Đào kêu chị nhận dùm, vì chị Đ và chị L không thuận với nhau, từ đó chị mới nhận thay cho chị Đ là chị có tham gia giao dịch hạn và còn thiếu tiền hạn của chị L nhưng thực tế dây hạn này là do chị Đ giao dịch với chị L, chị hoàn toàn không có tham gia dây hạn này.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án em Bùi Thị Anh T có lời trình bày: Từ trước đến nay, em không có lần nào đến đóng hạn cho bà L, còn việc bà Đ có giao dịch hạn với bà L hay không thì em không biết vì lúc đó còn nhỏ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu, không bổ sung, cung cấp chứng cứ gì mới.

Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho em Bùi Thị Anh T: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của nguyên đơn về việc giao dịch dân sự của người chưa đủ 18 tuổi là vô hiệu không có giá trị pháp lý

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt hợp lệ, đầy đủ cho các đương sự và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng các điều 26, 35, 91, 147, 227, 228, 354 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005, các điều 429, 471, 688 của Bộ luật dân sự 2015. Áp dụng các điều 7, 8, 9, 17, 19, 20, 21, 22, 23 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hạn, họ, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L, bà Trương Thị L: *Về số tiền hạn phải trả:* Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Lập, bà Trương Thị L về việc yêu cầu anh Bùi Văn Mười Ba, chị Nguyễn Thị Đào phải trả cho ông Bùi Văn L, bà Trương Thị L số tiền hạn còn thiếu là

8.000.000 đồng. *Về án phí:* Buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật trừ trường hợp miễn nộp tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo qui định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Văn Lập, bà Trương Thị L: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên thì các bên không thống nhất được.

Nguyên đơn cho rằng vào ngày 15/10/2013 al, nguyên đơn có mở dây hụi 500.000 đồng, bị đơn có tham gia 04 phần và đã hốt hụi hết 04 phần, hiện tại còn thiếu lại 16 lần của 04 phần hụi với tổng số tiền là 8.000.000 đồng. Bị đơn không thừa nhận có tham gia hụi với nguyên đơn.

Xét qua lời trình bày của nguyên đơn thừa nhận: Danh sách hụi viên tham gia hụi là do nguyên đơn xác lập có giao cho các hụi viên. Bị đơn không thừa nhận và hoàn toàn không biết gì về danh sách hụi. Nguyên đơn không chứng minh được là danh sách ghi tên hụi viên có giao cho bị đơn nhận.

Khi bên chị Đ, anh Mười B kêu hụi và nguyên đơn giao tiền cho bị đơn. Nguyên đơn thừa nhận không có ghi biên nhận và cũng không có ai chứng kiến biết được và khi bị đơn đóng tiền hụi chết cho nguyên đơn cũng không thể hiện ghi biên nhận và không có ai biết được.

Qua xác minh lời trình bày của các hụi viên cùng tham giao dịch hụi cũng không có ai biết được cụ thể là chị Đ, anh Mười B có tham gia dây hụi này và đã hốt được hụi.

Còn các cứ chứng cứ mà bên bà L đã cung cấp là giấy xác nhận của các hụi viên trong dây hụi thể hiện có cùng một nội dung giống nhau, đối với người làm chứng Tòa án có triệu tập hợp lệ đến đối chất tại Tòa nhưng vắng mặt. Mặc dù không tham dự tại tòa nhưng cũng có lời trình bày rõ ràng là nội dung trong giấy xác nhận hụi là do nguyên đơn tự ghi vào, họ chỉ ký tên vào giấy xác nhận không phải thể hiện ý chí của họ ghi như nội dung xác nhận cho nên đối chiếu qua chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án là chưa đảm bảo tính giá trị pháp lý theo pháp luật quy định về chứng cứ chứng minh.

Mặc khác căn cứ qua biên bản hòa giải tại trụ sở Ban nhân dân ấp An Bình vào ngày 03/10/2015 có sự tham gia của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H. Nội dung biên bản thể hiện rõ nguyên đơn cho rằng còn thiếu 04 lần hụi chưa đóng, còn chị H thừa nhận còn thiếu 03 lần hụi nữa. Lời trình bày của chị H là phù hợp với lời trình bày của người làm chứng chị Nguyễn Thị H tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2017 là chị H có đến hỏi chị xin giấy hụi để đối chiếu với chị L xem còn 03 lần nữa hay 02 lần nữa mới mãn

hội. Chứng tỏ đây hội này chị H tham gia giao dịch hội với bà L, ông L như chị Đ trình bày.

Căn cứ điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Và Tòa án đã ra thông báo cho đương sự về việc giao nộp chứng cứ bà L, ông L đã nhận được thông báo của Tòa án nhưng đến nay cũng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình nên yêu cầu của bà L, ông L yêu cầu chị Đ, anh Mười B trả lại tiền hội còn thiếu 8.000.000 đồng là không đủ căn cứ để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không được chấp nhận yêu cầu bà Liên, ông L phải chịu án phí, chị Đ, anh Mười B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 26, 35, 91, 227, 228 và điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của chính phủ quy định về “Họ, hội, biểu, phường”;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L, bà Trương Thị L yêu cầu anh Bùi Văn Mười B và chị Nguyễn Thị Đ trả lại số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

3/Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Bùi Văn L, chị Trương Thị L phải nộp 400.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Đ, anh Bùi Văn Mười B không phải chịu án phí.

Số tiền tạm ứng án phí dân sự 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Bùi Văn L, bà Trương Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0010420 ngày 26/9/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà ông L, bà L phải nộp, ông L, bà L phải nộp tiếp 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*)

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi đương sự cư trú.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ TÊN VÀ ĐÓNG DẤU)

Nguyễn Thị Kim Nhung